

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG
SONG DA CAO CUONG
JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số: 928/BC-SCL
No.: 928/BC-SCL

Hải Phòng, ngày 30 tháng 07 năm 2026
Hai Phòng, July 30., 2026

**BÁO CÁO
Tình hình quản trị công ty
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE
(6 tháng)
(6 months)**

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

To:

- The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

- Tên công ty/Name of company: Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường/ Song Da Cao Cuong Joint Stock Company

- Địa chỉ trụ sở chính/Address of headoffice: Số 214, Đường Lê Thánh Tông, Phường Chí Linh, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam/ No. 214, Le Thanh Tong Street, Chi Linh Ward, Hai Phong City, Vietnam

- Điện thoại/Telephone: (+84) 2023 580 414 Email: info@songdacaocuong.vn

- Vốn điều lệ/Charter capital: 379.168.150.000 VNĐ/ VND 379.168.150.000

- Mã chứng khoán/Stock symbol: SCL

- Mô hình quản trị công ty/Governance model:

Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc
/General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, General Director.

- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện/The implementation of internal audit: Implemented.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/Activities of the General Meeting of Shareholders

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/*Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):*

Stt No.	Số Nghị quyết/Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>
1	486/NQ-ĐHĐCĐ/ 486/NQ-DHDCD	24/4/2026	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026/ <i>Resolution of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders</i>

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng)/ *Board of Directors (Semiannual report):*

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/*Information about the members of the Board of Directors:*

Stt No.	Thành viên HĐQT/ <i>Board of Directors' members</i>	Chức vụ/ <i>Position</i> (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)) <i>Independent members of the Board of Directors, Non-executive members of the Board of Directors</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors</i>	
			Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm <i>Date of dismissal</i>
1	Ông Kiều Văn Mát <i>Mr. Kieu Van Mat</i>	Chủ tịch HĐQT/ <i>Chairman of the Board of Directors</i>	2007	
2	Ông Nguyễn Hồng Quyền <i>Mr. Nguyen Hong Quyen</i>	Thành viên HĐQT không điều hành/ <i>Non-executive member of the Board of Directors</i>	2007	
3	Ông Kiều Quang Vọng <i>Mr. Kieu Quang Vong</i>	Thành viên HĐQT/ <i>Member of the Board of Directors</i>	28/4/2022	
4	Ông Nguyễn Anh Dũng <i>Mr. Nguyen Anh Dung</i>	Thành viên HĐQT/ <i>Member of the Board of Directors</i>	4/2015	
5	Ông Nguyễn Ánh Hồng <i>Mr. Nguyen Anh Hong</i>	Thành viên HĐQT không điều hành/ <i>Non-executive</i>	25/4/2019	

		<i>member of the Board of Directors</i>		
--	--	---	--	--

2. Các cuộc họp HĐQT/*Meetings of the Board of Directors:*

Stt No.	Thành viên HĐQT/ <i>Board of Director' member</i>	Số buổi họp HĐQT tham dự/ <i>Number of meetings attended by Board of Directors</i>	Tỷ lệ tham dự họp/ <i>Attendance rate</i>	Lý do không tham dự họp/ <i>Reasons for absence</i>
1	Ông Kiều Văn Mát <i>Mr. Kieu Van Mat</i>	10	100%	
2	Ông Nguyễn Hồng Quyền <i>Mr. Nguyen Hong Quyen</i>	10	100%	
3	Ông Kiều Quang Vọng <i>Mr. Kieu Quang Vong</i>	10	100%	
4	Ông Nguyễn Anh Dũng <i>Mr. Nguyen Anh Dung</i>	10	100%	
5	Ông Nguyễn Ánh Hồng <i>Mr. Nguyen Anh Hong</i>	10	100%	

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc/*Supervising the Board of Management by the Board of Directors:*

HĐQT đã thực hiện và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các công việc sau/*The Board of Directors has performed and supervised the activities of the Board of Management in performing the following tasks:*

- Tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty được tổ chức vào ngày 24/4/2026 theo quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty/*Successfully organized the Company's 2026 Annual General Meeting of Shareholders held on April 24, 2026 in accordance with the provisions of the Law and the Company's Charter.*

- Tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị/*Implementation of the Resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors.*

- Lập báo cáo tài chính theo quy định của Pháp luật/*Prepared financial reports in accordance with the provisions of the Law.*

- Kết quả sản xuất kinh doanh theo kế hoạch năm; đánh giá doanh thu, lợi nhuận, dòng tiền và các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ *Business results against the annual plan; assessment of revenue, profit, cash flow and key financial indicators.*

- Tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, mua sắm tài sản, mở rộng sản xuất/ *Progress of investment projects, asset procurement, and production expansion.*

- Công tác huy động vốn, quản lý công nợ, sử dụng vốn vay và kiểm soát chi phí/ *Capital mobilization, debt management, use of borrowed capital, and cost control.*

- Công tác quản trị rủi ro, an toàn lao động, bảo vệ môi trường và các vấn đề phát sinh trong hoạt động của Công ty/ *Risk management, occupational safety, environmental protection, and other issues arising in the Company's operations.*

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/ *Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any):*

Tiểu ban thư ký HĐQT: Tham gia các cuộc họp của HĐQT, dự thảo Biên bản và Nghị quyết họp HĐQT, cập nhật đầy đủ thông tin cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát/ *Board of Directors Secretariat: Participate in Board of Directors meetings, draft Minutes and Resolutions of Board of Directors meetings, update full information for Board of Directors and Board of Supervisors members.*

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng)/ *Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Semi-annual report):*

Stt No.	Số Nghị quyết/Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
1.	137/NQ-HĐQT	02/02/2026	Góp vốn giai đoạn 1 của Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường tại Công ty cổ phần Green SCL/ <i>Phase 1 capital contribution by Song Da Cao Cuong Joint Stock Company to Green SCL Joint Stock Company.</i>	100%
2.	243/NQ-HĐQT	10/03/2026	Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026/ <i>Record date for exercising shareholders'</i>	100%

			<i>rights to attend the 2026 Annual General Meeting of Shareholders</i>	
3.	346/NQ-HĐQT	02/04/2026	Thông qua một số nội dung liên quan đến việc tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026/ <i>approval of certain matters relating to the organization of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders</i>	100%
4.	347/QĐ-HĐQT	02/04/2026	Thành lập Ban tổ chức, tiểu Ban phục vụ ĐHĐCĐ thường niên năm 2026/ <i>establishment of the organizing committee and sub-committees for the 2026 Annual General Meeting of Shareholders</i>	100%
5.	348/QĐ-HĐQT	02/04/2026	Thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông/ <i>Establishment of the Shareholder eligibility verification committee</i>	100%
6.	507/NQ-HĐQT	27/04/2026	Thông qua đầu tư tài sản nhằm nâng cấp, cải tạo nhà máy gạch nhẹ chưng áp AAC/ <i>Approving the asset investment for the upgrade and renovation of the Autoclaved Aerated Concrete (AAC) light-weight block production plant.</i>	
7.	540/NQ-HĐQT	05/05/2026	Thông qua nội dung vay vốn tín dụng tại Techcombank/ <i>Approval of the credit loan facility with Techcombank</i>	100%
8.	542/NQ-HĐQT	05/05/2026	Thông qua đầu tư tài sản nhằm bổ sung hạng mục công trình, thiết bị cho Công trình tạm dây chuyển phân tách tro xỉ/ <i>Approval of the investment in assets for additional construction works and equipment</i>	

			<i>serving the Temporary ash and slag separation line.</i>	
9.	569/NQ-HĐQT	12/05/2026	Thông qua nội dung vay vốn tín dụng BIDV/ <i>Approval of the credit loan facility with BIDV</i>	100%
10.	570/NQ-HĐQT	12/05/2026	Thông qua lộ trình triển khai tăng vốn điều lệ năm 2026/ <i>approval of the 2026 charter capital increase implementation roadmap</i>	100%
11.	571/NQ-HĐQT	12/05/2026	Thông qua triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức và hồ sơ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025/ <i>Approval of the Implementation of the stock dividend issuance plan and the issuance dossier for the 2025 stock dividend</i>	100%
12.	640/NQ-HĐQT	27/05/2026	Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu/ <i>Record date for exercising the right to receive the 2025 dividend in shares</i>	100%
13.	681/NQ-HĐQT	04/06/2026	Thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu ESOP, danh sách đối tượng được tham gia chương trình ESOP, quy chế phát hành cổ phiếu ESOP và phương án đảm bảo việc phát hành đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài/ <i>Approval of the Implementation of the ESOP Share issuance plan, the list of ESOP participants, the ESOP issuance regulations, and the plan to ensure</i>	100%

			<i>compliance with foreign ownership ratio regulations</i>	
14.	706/NQ-HĐQT	12/06/2026	Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025/ <i>Approval of the Results of the 2025 Stock Dividend Issuance</i>	100%
15.	707/NQ-HĐQT	12/06/2026	Lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026/ <i>Selection of the auditing firm for the 2026 Financial Statements</i>	100%
16.	755/NQ-HĐQT	23/06/2026	Thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu ESOP, danh sách đối tượng được tham gia chương trình ESOP, quy chế phát hành cổ phiếu ESOP và phương án đảm bảo việc phát hành đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài/ <i>Approval of the Implementation of the ESOP Share issuance plan, the list of ESOP participants, the ESOP issuance regulations, and the plan to ensure compliance with foreign ownership ratio regulations</i>	100%

III. Ban kiểm soát (Báo cáo 6 tháng)/*Board of Supervisors (Semi-annual report):*

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/ *Information about members of Board of Supervisors:*

Stt No.	Thành viên BKS <i>Members of Board of Supervisors</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisors</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>
1	Bà Dương Thị Thảo <i>Ms. Duong Thi Thao</i>	TBKS/ <i>Head of Board of Supervisors</i>	23/04/2025 bắt đầu/ <i>Starting from April 23, 2025</i>	Cử nhân kế toán/ <i>Bachelor of Accounting</i>

2	Bà Nguyễn Thị Thu Hoài <i>Ms. Nguyen Thi Thu Hoai</i>	TV BKS/ <i>Member of Board of Supervisors</i>	26/4/2018 bắt đầu/ <i>Starting from April 26, 2018</i>	Cử nhân kế toán/ <i>Bachelor of Accounting</i>
3	Bà Bùi Thị Vẻ <i>Ms. Bui Thi Ve</i>	TV BKS/ <i>Member of Board of Supervisors</i>	25/4/2019 bắt đầu/ <i>Starting from April 25, 2019</i>	Trung cấp kế toán/ <i>Intermediate accounting</i>

2. Cuộc họp của BKS/*Meetings of Board of*

Stt No.	Thành viên BKS/ <i>Members of Board of Supervisors</i>	Số buổi họp tham dự/ <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp/ <i>Attendance rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết/ <i>Voting rate</i>	Lý do không tham dự họp/ <i>Reasons for absence</i>
1	Bà Dương Thị Thảo <i>Ms. Duong Thi Thao</i>	01	100%	100%	
2	Bà Nguyễn Thị Thu Hoài <i>Ms. Nguyen Thi Thu Hoai</i>	01	100%	100%	
3	Bà Bùi Thị Vẻ <i>Ms. Bui Thi Ve</i>	01	100%	100%	

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/*Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors:*

- Ban kiểm soát giám sát hoạt động của HĐQT nhằm đảm bảo các quyết định của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ; Giám sát việc thực hiện các chiến lược, kế hoạch và mục tiêu do HĐQT đề ra; Đánh giá tính minh bạch trong các cuộc họp và nghị quyết của HĐQT/*The Board of Supervisors oversees the activities of the Board of Directors (BOD) to ensure that the BOD's decisions comply with legal regulations, the company's charter, and resolutions of the General Meeting of Shareholders (GMS). It monitors the implementation of strategies, plans, and objectives set by the BOD and assesses transparency in BOD meetings and resolutions;*

- Ban kiểm soát giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc trong việc tuân thủ nghị quyết, kế hoạch kinh doanh và chiến lược đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua; Kiểm tra, giám sát hiệu quả trong công tác điều hành; Giám sát tính trung thực, minh bạch của báo cáo tài chính và thực hiện quy trình kiểm soát nội bộ; Kiểm tra các biện pháp quản

trị rủi ro và tuân thủ pháp luật của Ban Tổng Giám đốc/ *The Board of Supervisors oversees the activities of the Board of Management (BOM) in complying with resolutions, business plans, and strategies approved by the BOD and GMS. It inspects and monitors the effectiveness of management activities, the transparency and accuracy of financial reports, and the implementation of internal control processes. It also evaluates risk management measures and the Board of Management's compliance with the law.*

- Ban kiểm soát đóng vai trò bảo vệ quyền lợi cổ đông thông qua các hoạt động kiểm tra việc thực hiện quyền của cổ đông như quyền biểu quyết, tiếp cận thông tin ...; Theo dõi hành vi của cổ đông lớn nhằm ngăn ngừa lạm dụng quyền lực hoặc lợi ích nhóm gây ảnh hưởng tới quyền lợi của của cổ đông thiểu số/ *The Board of Supervisors plays a role in protecting shareholders' rights by monitoring the implementation of shareholders' rights, such as voting rights and access to information. It also observes the actions of major shareholders to prevent abuse of power or conflicts of interest that could harm the rights of minority shareholders.*

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/ *The coordination among the Board of Supervisors, the Board of Management, Board of Directors and other managers:*

- Sự phối hợp giữa Ban kiểm sát với HĐQT để giám sát và hỗ trợ thực hiện mục tiêu quản trị công ty thông qua việc tham dự các cuộc họp HĐQT để nắm bắt thông tin, đóng góp ý kiến, đảm bảo tính minh bạch và hợp pháp trong các quyết định; Ban kiểm sát yêu cầu HĐQT cung cấp đầy đủ các tài liệu, báo cáo và thông tin cần thiết để thực hiện chức năng giám sát; Đánh giá các quyết định, hoạt động của HĐQT để đảm bảo các quyết định, hoạt động đó tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ công ty; Ban kiểm sát đưa ra ý kiến độc lập và các khuyến nghị về chiến lược, quản trị rủi ro và các vấn đề quan trọng khác/ *The Board of Supervisors coordinates with the BOD to monitor and support the achievement of corporate governance objectives by attending BOD meetings to gather information and provide input, ensuring transparency and legality in decisions. It requests the BOD to provide necessary documents, reports, and information for supervisory functions. The Board of Supervisors evaluates the BOD's decisions and activities to ensure compliance with laws and the company's charter. It also provides independent opinions and recommendations on strategy, risk management, and other significant matters.*

- Sự phối hợp giữa Ban kiểm sát với Ban Tổng Giám đốc nhằm đảm bảo tính hiệu quả và minh bạch trong hoạt động điều hành, việc thực hiện kế hoạch kinh doanh; Giám sát

việc lập báo cáo tài chính, đảm bảo tính trung thực, minh bạch và tuân thủ các chuẩn mực kế toán; Phối hợp, thảo luận các vấn đề quản trị rủi ro và biện pháp khắc phục/ *The Board of Supervisors works with the BOM to ensure efficiency and transparency in operations and the implementation of business plans. It monitors the preparation of financial reports, ensuring their accuracy, transparency, and compliance with accounting standards. The Board of Supervisors collaborates and discusses risk management issues and corrective measures.*

- Ban kiểm soát phối hợp với các cán bộ quản lý khác trong việc tuân thủ các quy định nội bộ và quy định của pháp luật; Cung cấp thông tin, tài liệu để phục vụ công tác giám sát/ *The Board of Supervisors coordinates with other managers to ensure compliance with internal regulations and legal provisions. It provides information and documents to support its supervisory work.*

5. Hoạt động khác của BKS (nếu có)/*Other activities of the Board of Supervisors (if any):*

BKS thực hiện các hoạt động quan trọng khác nhằm đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả và tuân thủ pháp luật trong quản trị công ty/ *The Board of Supervisors undertakes important activities to ensure transparency, efficiency, and legal compliance in corporate governance.*

IV. Ban điều hành/Board of Management

STT No.	Thành viên Ban điều hành/ <i>Members of Board of Management</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/ <i>Date of appointment/dismissal of members of the Board of Management/</i>
1	Ông Vũ Văn Chiến Mr. Vu Van Chien	16/9/1986	Kỹ sư điện tự động hóa/ <i>Electrical Automation Engineer</i>	10/5/2018

2	Ông Phạm Văn Thu Mr. Pham Van Thu	04/7/1984	Kỹ sư kỹ thuật xây dựng, cử nhân QTKD/ <i>Construction technical engineer, Bachelor of business administration</i>	07/01/2019
3	Ông Đào Xuân Quỳnh Mr. Dao Xuan Quynh	14/02/1982	Cử nhân kế toán/ <i>Bachelor of Accounting</i>	05/05/2025

V. Kế toán trưởng/Chief Accountant

Họ và tên <i>Name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm <i>Date of appointment/ dismissal</i>
Ông Trần Văn Hoan/ Mr. Tran Van Hoan	08/10/1984	Cử nhân kế toán/ <i>Bachelor of accounting</i>	01/02/2018

VI. Đào tạo về quản trị công ty/Training courses on corporate governance:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/*Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, Director (General Director), other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance:*

Trong kỳ báo cáo, các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người phụ trách quản trị Công ty/ Thư ký công ty được tạo điều kiện tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về quản trị Công ty, pháp luật về chứng khoán, quản trị doanh nghiệp và các lĩnh vực chuyên môn liên quan phù hợp với yêu cầu công việc/ *During the reporting period, members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the Board of Management, the Chief accountant, and the Person in charge of corporate governance/Company secretary were*

provided with opportunities to participate in training and professional development programs to enhance and update their knowledge of corporate governance, securities laws, corporate management, and other professional areas relevant to their respective responsibilities.

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/The list of affiliated persons of the public company (Semi-annual report) and transactions of affiliated persons of the Company)

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/The list of affiliated persons of the Company

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/ individual	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty/Relationship with the Company
1	Kiều Văn Mát <i>Kieu Van Mat</i>	1	2007		Được bầu/ Get elected	Chủ tịch HĐQT/ Chairman of the BOD
1.1	Kiều Quang Vọng <i>Kieu Quang Vong</i>		2007			Anh ruột/ Brother
1.2	Kiều Văn Phú <i>Kieu Van Phu</i>		2007			Anh ruột/ Brother
1.3	Kiều Thị Dung <i>Kieu Thi Dung</i>		2007			Chị ruột/ Sister
1.4	Kiều Thị Thơm <i>Kieu Thi Thom</i>		2007			Chị ruột/ Sister
1.5	Kiều Thị Miên <i>Kieu Thi Mien</i>		2007			Em ruột/ Sister
1.6	Kiều Văn Cao <i>Kieu Van Cao</i>		2007			Em ruột/ Sister
1.7	Vũ Thị Thanh Huyền <i>Vu Thi Thanh Huyen</i>		2007			Vợ/ Wife
1.8	Kiều Mai Hương <i>Kieu Mai Huong</i>		2007			Con đẻ/ Daughter
1.9	Kiều Ngọc Mai <i>Kieu Ngoc Mai</i>		2008			Con đẻ/ Daughter
1.10	Kiều Trí Dũng <i>Kieu Tri Dung</i>		2010			Con đẻ/ Son

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
1.11	CTCPCN Dịch vụ Cao Cường <i>Cao Cuong Industrial - Services Joint Stock Company</i>	1	2022			Quản lý vốn/ <i>Capital management</i>
2	Kiều Quang Vọng <i>Kieu Quang Vong</i>	2	28/4/2022		Được bầu/ <i>Get elected</i>	TV HĐQT/ <i>Member of the BOD</i>
2.1	CTCPCN Dịch vụ Cao Cường/ <i>Cao Cuong Industrial - Services Joint Stock Company</i>	1	2022			NCLQ/ <i>Affiliated person</i>
2.2	Kiều Văn Mát <i>Kieu Van Mat</i>	1	2007			Em ruột/ <i>Brother</i>
2.3	Vũ Thị Thanh Huyền <i>Vu Thi Thanh Huyen</i>		2007			Em dâu/ <i>Sister in law</i>
2.4	Kiều Văn Phú <i>Kieu Van Phu</i>		2007			Em ruột/ <i>Brother</i>
2.5	Kiều Thị Dung <i>Kieu Thi Dung</i>		2007			Em ruột/ <i>Sister</i>
2.6	Kiều Thị Thơm <i>Kieu Thi Thom</i>		2007			Em ruột/ <i>Sister</i>
2.7	Kiều Thị Miên <i>Kieu Thi Mien</i>		2007			Em ruột/ <i>Sister</i>
2.8	Kiều Văn Cao <i>Kieu Van Cao</i>		2007			Em ruột/ <i>Brother</i>
2.9	Vũ Thị Hưng <i>Vu Thi Hung</i>		2007			Vợ/ <i>Wife</i>
2.10	Kiều Văn Cường <i>Kieu Van Cuong</i>		10/4/2018			Con đẻ/ <i>Son</i>
2.11	Kiều Thị Thanh Nhân <i>Kieu Thi Thanh Nhan</i>		2007			Con đẻ/ <i>Daughter</i>
2.12	Kiều Thị Nhung <i>Kieu Thi Nhung</i>		2007			Con đẻ/ <i>Daughter</i>
2.13	Lê Thị Tú Anh <i>Le Thi Tu Anh</i>		2018			Con dâu/ <i>Daughter in law</i>
2.14	Nguyễn Ánh Hồng <i>Nguyen Anh Hong</i>	2	25/4/2019			Con rể/ <i>Son in law</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
3	Nguyễn Hồng Quyền <i>Nguyen Hong Quyen</i>	2	2007		Được bầu	TV HĐQT/ <i>Member of the BOD</i>
3.1	Nguyễn Thị Minh Hiền <i>Nguyen Thi Minh Hien</i>		2007			Vợ/ <i>Wife</i>
3.2	Nguyễn Thanh Hà <i>Nguyen Thanh Ha</i>		2007			Con đẻ/ <i>Daughter</i>
3.3	Nguyễn Hồng Hải <i>Nguyen Hong Hai</i>		2007			Con đẻ/ <i>Son</i>
3.4	Nguyễn Thục Phương <i>Nguyen Thuc Phuong</i>		2007			Con dâu/ <i>Daughter in law</i>
4	Nguyễn Anh Dũng <i>Nguyen Anh Dung</i>	2	2015		Được bầu/ <i>Get elected</i>	TV HĐQT/ <i>Member of the BOD</i>
4.1	Nguyễn Văn Nghinh <i>Nguyen Van Nghinh</i>		2015			Bố đẻ/ <i>Father</i>
4.2	Đào Thị Vững <i>Dao Thi Vung</i>		2015			Mẹ đẻ/ <i>Mother</i>
4.3	Nguyễn Thị Việt <i>Nguyen Thi Viet</i>		2015			Chị ruột/ <i>Sister</i>
4.4	Nguyễn Văn Sĩ <i>Nguyen Van Si</i>		2015			Em ruột/ <i>Brother</i>
4.5	Nguyễn Đức Thịnh <i>Nguyen Duc Thinh</i>		2015			Em ruột/ <i>Brother</i>
4.6	Nguyễn Tường Anh Thu <i>Nguyen Tuong Anh Thu</i>		2015			Con đẻ/ <i>Daughter</i>
4.7	Nguyễn Tường Anh Quân <i>Nguyen Tuong Anh Quan</i>		2015			Con đẻ/ <i>Son</i>
5	Nguyễn Ánh Hồng <i>Nguyen Anh Hong</i>	2	25/4/2019		Được bầu/ <i>Get elected</i>	TV HĐQT/ <i>Member of the BOD</i>
5.1	Phạm Thị Trường <i>Pham Thi Truong</i>		25/4/2019			Mẹ đẻ/ <i>Mother</i>
5.2	Kiều Quang Vọng <i>Kieu Quang Vong</i>	2	28/4/2022			Bố vợ/ <i>Father in law</i>
5.3	Vũ Thị Hưng <i>Vu Thi Hung</i>		2007			Mẹ vợ/ <i>Mother in law</i>
5.4	Kiều Văn Cường <i>Kieu Van Cuong</i>		10/4/2018			Anh rể/ <i>Brother in law</i>
5.5	Lê Thị Tú Anh		2018			Chị dâu/ <i>Sister in law</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
	Le Thi Tu Anh					
5.6	Nguyễn Thị Hải An <i>Nguyen Thi Hai An</i>		25/4/2019			Em ruột/ <i>Sister</i>
5.7	Nguyễn Thị Tổ Phương <i>Nguyen Thi To Phuong</i>		25/4/2019			Em ruột/ <i>Sister</i>
5.8	Nguyễn Thị Việt Hà <i>Nguyen Thi Viet Ha</i>		25/4/2019			Em ruột/ <i>Sister</i>
5.9	Kiều Thị Nhung <i>Kieu Thi Nhung</i>		25/4/2019			Vợ/ <i>Wife</i>
5.10	Nguyễn Kiều Vũ Lâm <i>Nguyen Kieu Vu Lam</i>		25/4/2019			Con đẻ/ <i>Son</i>
5.11	Nguyễn Kiều Phương Anh <i>Nguyen Kieu Phuong Anh</i>		25/4/2019			Con đẻ/ <i>Daughter</i>
6	Vũ Văn Chiến <i>Vu Van Chien</i>	3;4	2018		Bổ nhiệm	TGD/ <i>CEO</i>
6.1	Vũ Văn Yển <i>Vu Van Yen</i>		2018			Bố đẻ/ <i>Father</i>
6.2	Vũ Thị Dung <i>Vu Thi Dung</i>		2018			Mẹ đẻ/ <i>Mother</i>
6.3	Vũ Văn Việt <i>Vu Van Viet</i>		2018			Em/ <i>Brother</i>
6.4	Dương Thị Ngân <i>Duong Thi Ngan</i>		2018			Vợ/ <i>Wife</i>
6.5	Vũ Hồng Đăng <i>Vu Hong Dang</i>		2018			Con đẻ/ <i>Son</i>
6.6	Vũ Phương Thảo <i>Vu Phuong Thao</i>		2018			Con đẻ/ <i>Daughter</i>
6.7	Vũ Quỳnh Chi <i>Vu Quynh Chi</i>		2022			Con đẻ/ <i>Daughter</i>
6.8	Vũ Đăng Dương <i>Vu Dang Duong</i>		2024			Con đẻ/ <i>Son</i>
7	Phạm Văn Thư <i>Pham Van Thu</i>	5	07/01/2019		Bổ nhiệm/ <i>Appointed</i>	PTGD/ <i>Deputy General Director</i>
7.1	Phạm Thương <i>Pham Thuong</i>					Bố đẻ/ <i>Father</i>
7.2	Trần Thị Toan <i>Tran Thi Toan</i>					Mẹ đẻ/ <i>Mother</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
7.3	Lương Văn Quang <i>Luong Van Quang</i>					Bố vợ/ <i>Father in law</i>
7.4	Phạm Thị Anh <i>Pham Thi Anh</i>					Chị ruột/ <i>Sister</i>
7.5	Phạm Trung Chính <i>Pham Trung Chinh</i>					Anh rể/ <i>Brother in law</i>
7.6	Phạm Thị Quế <i>Pham Thi Que</i>					Chị ruột/ <i>Sister</i>
7.7	Lương Thị Thúy <i>Luong Thi Thuy</i>					Vợ/ <i>Wife</i>
7.8	Phạm Thảo Nguyên <i>Pham Thao Nguyen</i>					Con đẻ/ <i>Daughter</i>
7.9	Phạm Minh Tuấn <i>Pham Minh Tuan</i>					Con đẻ/ <i>Son</i>
7.10	Phạm Thảo Ngân <i>Pham Thao Ngan</i>					Con đẻ/ <i>Daughter</i>
8	Đào Xuân Quỳnh <i>Dao Xuan Quynh</i>	5	05/05/2025			PTGD/ <i>Deputy General Director</i>
8.1	Đào Xuân Xế <i>Dao Xuan Xe</i>					Bố đẻ/ <i>Father</i>
8.2	Bùi Thị Tươi <i>Bui Thi Tui</i>					Mẹ đẻ/ <i>Mother</i>
8.3	Đào Xuân Cường <i>Dao Xuan Cuong</i>		05/05/2025			Em ruột/ <i>Brother</i>
8.4	Đào Thị Hường <i>Dao Thi Huong</i>					Em ruột/ <i>Sister</i>
8.5	Phạm Thị Thu Thái <i>Pham Thi Thu Thai</i>		05/05/2025			Vợ/ <i>Wife</i>
8.6	Đào Hà Anh <i>Dao Ha Anh</i>					Con đẻ/ <i>Daughter</i>
8.7	Đào Thái Sơn <i>Dao Thai Son</i>					Con đẻ/ <i>Son</i>
9	Trần Văn Hoan <i>Tran Van Hoan</i>	6	2018		Bổ nhiệm	KTT/ <i>Chief accountant</i>
9.1	Trần Văn Hồ <i>Tran Van Ho</i>		2018			Anh ruột/ <i>Brother</i>
9.2	Trần Thị Hào		2018			Chị ruột/ <i>Sister</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
	<i>Tran Thi Hao</i>					
9.3	Trần Thị Hòe <i>Tran Thi Hoe</i>		2018			Chị ruột/ <i>Sister</i>
9.4	Nguyễn Thị Quỳnh <i>Nguyen Thi Quynh</i>		2018			Vợ/ <i>Wife</i>
9.5	Trần Nguyễn Quỳnh Hân <i>Tran Nguyen Quynh Han</i>		2018			Con đẻ/ <i>Daughter</i>
9.6	Trần Văn Hữu <i>Tran Van Huu</i>		2018			Con đẻ/ <i>Son</i>
10	Dương Thị Thảo <i>Duong Thi Thao</i>	7	23/04/2025			
10.1	Nguyễn Thị Ngát <i>Nguyen Thi Ngat</i>		23/04/2025			Mẹ đẻ/ <i>Mother</i>
10.2	Nguyễn Văn Tuyển <i>Nguyen Van Tuyen</i>		23/04/2025			Bố chồng/ <i>Father in-law</i>
10.3	Nguyễn Thị Ngải <i>Nguyen Thi Ngai</i>		23/04/2025			Mẹ chồng/ <i>Mother in-law</i>
10.4	Dương Thị Hiếu Đức <i>Duong Thi Hieu Duc</i>		23/04/2025			Chị ruột/ <i>Sister</i>
10.5	Nguyễn Văn Tùng <i>Nguyen Van Tung</i>		23/04/2025			Chồng/ <i>Husband</i>
10.6	Nguyễn Thị Hương Giang <i>Nguyen Thi Huong Giang</i>		23/04/2025			Con đẻ/ <i>Daughter</i>
10.7	Nguyễn Dương Bình <i>Nguyen Duong Binh</i>		23/04/2025			Con đẻ/ <i>Son</i>
11	Nguyễn Thị Thu Hoài <i>Nguyen Thi Thu Hoai</i>	8	2018			TV BKS/ <i>Member of BOS</i>
11.1	Nguyễn Duy Hân <i>Nguyen Duy Han</i>		2018			Bố đẻ/ <i>Father</i>
11.2	Vũ Thị Ngọc <i>Vu Thi Ngoc</i>		2018			Mẹ đẻ/ <i>Mother</i>
11.3	Nguyễn Thị Xuyên <i>Nguyen Thi Xuyen</i>		2018			Chị ruột/ <i>Sister</i>
11.4	Nguyễn Ngọc Đình <i>Nguyen Ngoc Dinh</i>		2018			Anh ruột/ <i>Brother</i>
11.5	Nguyễn Quang Hiến <i>Nguyen Quang Hien</i>		2018			Anh ruột/ <i>Brother</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
11.6	Nguyễn Thị Chuyển <i>Nguyen Thi Chuyen</i>		2018			Em ruột/ <i>Sister</i>
11.7	Nguyễn Thị Sen <i>Nguyen Thi Sen</i>		2018			Em ruột/ <i>Sister</i>
11.8	Nguyễn Hữu Tuấn <i>Nguyen Huu Tuan</i>		2018			Chồng/ <i>Husband</i>
11.9	Nguyễn Tuấn Nam <i>Nguyen Tuan Nam</i>		2018			Con đẻ/ <i>Son</i>
11.10	Nguyễn Thanh Vân <i>Nguyen Thanh Van</i>		2018			Con đẻ/ <i>Daughter</i>
12	Bùi Thị Vê <i>Bui Thi Ve</i>	8	25/4/2019			TV BKS/ <i>Member of BOS</i>
12.1	Bùi Văn Tiền <i>Bui Van Tien</i>		25/4/2019			Bố đẻ/ <i>Father</i>
12.2	Vũ Thị Sôi <i>Vu Thi Soi</i>		25/4/2019			Mẹ đẻ/ <i>Mother</i>
12.3	Bùi Thị Thắm <i>Bui Thi Tham</i>		25/4/2019			Chị ruột/ <i>Sister</i>
12.4	Bùi Thanh Thiết <i>Bui Thanh Thiet</i>		25/4/2019			Anh ruột/ <i>Brother</i>
12.5	Bùi Thị Tươi <i>Bui Thi Tuoi</i>		25/4/2019			Chị ruột/ <i>Sister</i>
12.6	Bùi Thị Vui <i>Bui Thi Vui</i>		25/4/2019			Chị ruột/ <i>Sister</i>
12.7	Nguyễn Ngọc Hùng <i>Nguyen Ngoc Hung</i>		25/4/2019			Chồng/ <i>Husband</i>
12.8	Nguyễn Bùi Ngọc Khánh <i>Nguyen Bui Ngoc Khanh</i>		25/4/2019			Con đẻ/ <i>Daughter</i>
12.9	Nguyễn Bùi Khánh Ngọc <i>Nguyen Bui Khanh Ngoc</i>		25/4/2019			Con đẻ/ <i>Daughter</i>
12.10	Nguyễn Bùi Ngọc Ánh <i>Nguyen Bui Ngoc Anh</i>		25/4/2019			Con đẻ/ <i>Daughter</i>
13	Bùi Thị Thanh Ngân <i>Bui Thi Thanh Ngan</i>	9;10;12	01/8/2024		Được ủy quyền/ <i>Authorized</i>	CBTT/ <i>Information announcer</i>
13.1	Bùi Văn Biên <i>Bui Van Bien</i>		01/8/2024			Bố đẻ/ <i>Father</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
13.2	Nguyễn Thị Huệ <i>Nguyen Thi Hue</i>		01/8/2024			Mẹ đẻ/ <i>Mother</i>
13.3	Bùi Thị Cẩm Vân <i>Bui Thi Cam Van</i>		01/8/2024			Chị ruột/ <i>Sister</i>
13.4	Vũ Việt Phương <i>Vu Viet Phuong</i>		01/8/2024			Anh rể/ <i>Brother in law</i>

Ghi chú/Note: Số Giấy NSH: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH* No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or equivalent legal documents (As for organisations).*

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ *Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons.*

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organizati on/individ ual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relations hip with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT ... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>
------------	---	---	--	--	---	--	---	---------------------------

1	Công ty cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ Cao Cường/ Cao Cuong Industrial - Services Joint Stock Company	Người có liên quan/ <i>Affiliated person</i>	0800263713 ngày 04/9/2025 tại Sở Tài chính TP. Hải Phòng/ <i>0800263713 on 04/9/2025 at Hai Phong City Department of Finance</i>	Km 28+500m, Quốc lộ 18, Phường Chí Linh, Thành phố Hải Phòng/ Km 28+500m, National Highway 18, Chi Linh Ward, City, Hai Phong	Trong 6 tháng đầu năm 2026/ <i>During the first half of 2026</i>	Nghị quyết số 633/NQ-HĐQT, ngày 05/08/2024 của HĐQT thông qua việc vay vốn của Công ty CP Công nghiệp – Dịch vụ Cao Cường/ <i>Resolution No. 633/NQ-HĐQT, dated August 5, 2024 of the Board of Directors approving the loan of Cao Cuong Industrial - Services Joint Stock Company</i>	Trả lãi tiền vay và lãi vay phải trả/ <i>Payment of loan interest and interest payable:</i> 798.150.685 VND Trả tiền vay và nhận tiền vay dài hạn/ <i>Repayment of Borrowings and Proceeds from Long-term Borrowings:</i> 6.000.000.000 VND.
---	--	---	---	---	---	---	---

Ghi chú/Note: Số Giấy NSH: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH* No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on operations or equivalent legal documents (As for organisations).*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/*Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power.*

Stt No.	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal persons</i>	Chức vụ tại CTNY <i>Posittion at the listed Company</i>	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./ Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ <i>Address</i>	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát <i>Name of subsidiaries or companies which the Company control</i>	Thời điểm giao dịch <i>Time of transacti on</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>
	Không có/ <i>None</i>								

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/*Transactions between the Company and other objects*

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/*Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting):*

Trong kỳ báo cáo, Công ty có thực hiện một số giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ với Công ty cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ Cao Cường với giá trị là 236.563.800 đồng.

During the reporting period, the Company entered into certain transactions for the purchase and sale of goods and services with Cao Cuong Industry - Services Joint Stock Company, with a total value of VND 236,563,800.

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/*Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO): Không có/None.*

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/*Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers: Không có/None.*

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng)/Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Semi-annual report)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/*The list of internal persons and their affiliated persons*

Stt No.	Họ tên <i>Name</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
1	Kiều Văn Mát <i>Kieu Van Mat</i>	1	4.481.374	11,819%	
1.1	Kiều Quang Vọng <i>Kieu Quang Vong</i>		536.411	1,415%	
1.2	Kiều Văn Phú <i>Kieu Van Phu</i>		42.653	0,112%	
1.3	Kiều Thị Dung <i>Kieu Thi Dung</i>		0	0%	
1.4	Kiều Thị Thơm <i>Kieu Thi Thom</i>		0	0%	
1.5	Kiều Thị Miên <i>Kieu Thi Mien</i>		1.623	0,004%	
1.6	Kiều Văn Cao <i>Kieu Van Cao</i>		338.924	0,894%	
1.7	Vũ Thị Thanh Huyền <i>Vu Thi Thanh Huyen</i>		160.364	0,423%	
1.8	Kiều Mai Hương <i>Kieu Mai Huong</i>		0	0%	
1.9	Kiều Ngọc Mai <i>Kieu Ngoc Mai</i>		0	0%	
1.10	Kiều Trí Dũng <i>Kieu Tri Dung</i>		0	0%	
1.11	CTCPCN Dịch vụ Cao Cường <i>Cao Cuong Industrial - Services Joint Stock Company</i>	1	4.856.156	12,807%	
2	Kiều Quang Vọng <i>Kieu Quang Vong</i>	2	536.411	1,415%	
2.1	CTCPCN Dịch vụ Cao Cường/ <i>Cao Cuong Industrial - Services Joint Stock Company</i>	1	4.856.156	12,807%	
2.2	Kiều Văn Mát <i>Kieu Van Mat</i>	1	4.481.374	11,819%	
2.3	Vũ Thị Thanh Huyền <i>Vu Thi Thanh Huyen</i>		160.364	0,423%	
2.4	Kiều Văn Phú <i>Kieu Van Phu</i>		42.653	0,112%	
2.5	Kiều Thị Dung <i>Kieu Thi Dung</i>		0	0%	

Stt No.	Họ tên <i>Name</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
2.6	Kiều Thị Thom <i>Kieu Thi Thom</i>		0	0%	
2.7	Kiều Thị Miên <i>Kieu Thi Mien</i>		1.623	0,004%	
2.8	Kiều Văn Cao <i>Kieu Van Cao</i>		338.924	0,894%	
2.9	Vũ Thị Hưng <i>Vu Thi Hung</i>		0	0%	
2.10	Kiều Văn Cường <i>Kieu Van Cuong</i>		7.729	0,020%	
2.11	Kiều Thị Thanh Nhân <i>Kieu Thi Thanh Nhan</i>		0	0%	
2.12	Kiều Thị Nhung <i>Kieu Thi Nhung</i>		625.558	1,650%	
2.13	Lê Thị Tú Anh <i>Le Thi Tu Anh</i>		0	0%	
2.14	Nguyễn Ánh Hồng <i>Nguyen Anh Hong</i>	2	922.581	2,433%	
3	Nguyễn Hồng Quyền <i>Nguyen Hong Quyen</i>	2	161	0,0004%	
3.1	Nguyễn Thị Minh Hiền <i>Nguyen Thi Minh Hien</i>		0	0%	
3.2	Nguyễn Thục Phương <i>Nguyen Thuc Phuong</i>		0	0%	
3.3	Nguyễn Thanh Hà <i>Nguyen Thanh Ha</i>		0	0%	
3.4	Nguyễn Hồng Hải <i>Nguyen Hong Hai</i>		0	0%	
4	Nguyễn Anh Dũng <i>Nguyen Anh Dung</i>	2	972.114	2,564%	
4.1	Nguyễn Văn Nghinh <i>Nguyen Van Nghinh</i>		0	0%	
4.2	Đào Thị Vững <i>Dao Thi Vung</i>		0	0%	
4.3	Nguyễn Thị Việt <i>Nguyen Thi Viet</i>		0	0%	
4.4	Nguyễn Văn Sĩ		0	0%	

Stt No.	Họ tên <i>Name</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
	Nguyễn Văn Sĩ				
4.5	Nguyễn Đức Thịnh <i>Nguyen Duc Thinh</i>		0	0%	
4.6	Nguyễn Tường Anh Thư <i>Nguyen Tuong Anh Thu</i>		0	0%	
4.7	Nguyễn Tường Anh Quân <i>Nguyen Tuong Anh Quan</i>		0	0%	
5	Nguyễn Ánh Hồng <i>Nguyen Anh Hong</i>	2	922.581	2,433%	
5.1	Phạm Thị Trường <i>Pham Thi Truong</i>		0	0%	
5.2	Kiều Quang Vọng <i>Kieu Quang Vong</i>	2	536.411	1,415%	
5.3	Vũ Thị Hưng <i>Vu Thi Hung</i>		0	0%	
5.4	Kiều Văn Cường <i>Kieu Van Cuong</i>		7.729	0,020%	
5.5	Lê Thị Tú Anh <i>Le Thi Tu Anh</i>		0	0%	
5.6	Nguyễn Thị Hải An <i>Nguyen Thi Hai An</i>		0	0%	
5.7	Nguyễn Thị Tổ Phương <i>Nguyen Thi To Phuong</i>		0	0%	
5.8	Nguyễn Thị Việt Hà <i>Nguyen Thi Viet Ha</i>		0	0%	
5.9	Kiều Thị Nhung <i>Kieu Thi Nhung</i>		625.558	1,650%	
5.10	Nguyễn Kiều Vũ Lâm <i>Nguyen Kieu Vu Lam</i>		0	0%	
5.11	Nguyễn Kiều Phương Anh <i>Nguyen Kieu Phuong Anh</i>		0	0%	
6	Vũ Văn Chiến <i>Vu Van Chien</i>	3;4	594.663	1,568%	
6.1	Vũ Văn Yến <i>Vu Van Yen</i>		0	0%	
6.2	Vũ Thị Dung <i>Vu Thi Dung</i>		0	0%	

Stt No.	Họ tên <i>Name</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
6.3	Vũ Văn Việt <i>Vu Van Viet</i>		0	0%	
6.4	Dương Thị Ngân <i>Duong Thi Ngan</i>		0	0%	
6.5	Vũ Hồng Đăng <i>Vu Hong Dang</i>		0	0%	
6.6	Vũ Phương Thảo <i>Vu Phuong Thao</i>		0	0%	
6.7	Vũ Quỳnh Chi <i>Vu Quynh Chi</i>		0	0%	
6.8	Vũ Đăng Dương <i>Vu Dang Duong</i>		0	0%	
7	Phạm Văn Thư <i>Pham Van Thu</i>	5	118.447	0,312%	
7.1	Phạm Thương <i>Pham Thuong</i>		0	0%	
7.2	Trần Thị Toàn <i>Tran Thi Toan</i>		0	0%	
7.3	Lương Văn Quang <i>Luong Van Quang</i>		0	0%	
7.4	Phạm Thị Anh <i>Pham Thi Anh</i>		0	0%	
7.5	Phạm Trung Chính <i>Pham Trung Chinh</i>		1.652	0,004%	
7.6	Phạm Thị Quế <i>Pham Thi Que</i>		0	0%	
7.7	Lương Thị Thúy <i>Luong Thi Thuy</i>		3.290	0,009%	
7.8	Phạm Thảo Nguyên <i>Pham Thao Nguyen</i>		0	0%	
7.9	Phạm Minh Tuấn <i>Pham Minh Tuan</i>		0	0%	
7.10	Phạm Thảo Ngân <i>Pham Thao Ngan</i>		0	0%	
8	Đào Xuân Quỳnh <i>Dao Xuan Quynh</i>	5	87.331	0,230%	
8.1	Đào Xuân Xế		0	0%	

Stt No.	Họ tên <i>Name</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
	Dao Xuan Xe				
8.2	Bùi Thị Tươi <i>Bui Thi Tui</i>		0	0%	
8.3	Đào Xuân Cường <i>Dao Xuan Cuong</i>		5.837	0,015%	
8.4	Đào Thị Hương <i>Dao Thi Huong</i>		0	0%	
8.5	Phạm Thị Thu Thái <i>Pham Thi Thu Thai</i>		25.890	0,068%	
8.6	Đào Hà Anh <i>Dao Ha Anh</i>		0	0%	
8.7	Đào Thái Sơn <i>Dao Thai Son</i>		0	0%	
9	Trần Văn Hoan <i>Tran Van Hoan</i>	6	59.500	0,157%	
9.1	Trần Văn Hồ <i>Tran Van Ho</i>		0	0%	
9.2	Trần Thị Hào <i>Tran Thi Hao</i>		0	0%	
9.3	Trần Thị Hòe <i>Tran Thi Hoe</i>		0	0%	
9.4	Nguyễn Thị Quỳnh <i>Nguyen Thi Quynh</i>		0	0%	
9.5	Trần Nguyễn Quỳnh Hân <i>Tran Nguyen Quynh Han</i>		0	0%	
9.6	Trần Văn Hữu <i>Tran Van Huu</i>		0	0%	
10	Dương Thị Thảo <i>Duong Thi Thao</i>	7	11.675	0,031%	
10.1	Nguyễn Thị Ngát <i>Nguyen Thi Ngat</i>		0	0%	
10.2	Nguyễn Văn Tuyển <i>Nguyen Van Tuyen</i>		0	0%	
10.3	Nguyễn Thị Ngải <i>Nguyen Thi Ngai</i>		0	0%	
10.4	Dương Thị Hiếu Đức <i>Duong Thi Hieu Duc</i>		0	0%	

Stt No.	Họ tên <i>Name</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
10.5	Nguyễn Văn Tùng <i>Nguyen Van Tung</i>		9.487	0,025%	
10.6	Nguyễn Thị Hương Giang <i>Nguyen Thi Huong Giang</i>		0	0%	
10.7	Nguyễn Dương Bình <i>Nguyen Duong Binh</i>		0	0%	
11	Nguyễn Thị Thu Hoài <i>Nguyen Thi Thu Hoai</i>	8	11.407	0,030%	
11.1	Nguyễn Duy Hân <i>Nguyen Duy Han</i>		0	0%	
11.2	Vũ Thị Ngọc <i>Vu Thi Ngoc</i>		0	0%	
11.3	Nguyễn Thị Xuyên <i>Nguyen Thi Xuyen</i>		0	0%	
11.4	Nguyễn Ngọc Đình <i>Nguyen Ngoc Dinh</i>		0	0%	
11.5	Nguyễn Quang Hiến <i>Nguyen Quang Hien</i>		0	0%	
11.6	Nguyễn Thị Chuyển <i>Nguyen Thi Chuyen</i>		0	0%	
11.7	Nguyễn Thị Sen <i>Nguyen Thi Sen</i>		0	0%	
11.8	Nguyễn Hữu Tuấn <i>Nguyen Huu Tuan</i>		205.693	0,542%	
10.9	Nguyễn Tuấn Nam <i>Nguyen Tuan Nam</i>		0	0%	
10.10	Nguyễn Thanh Vân <i>Nguyen Thanh Van</i>		0	0%	
12	Bùi Thị Vẽ <i>Bui Thi Ve</i>	8	2.192	0,006%	
12.1	Bùi Văn Tiền <i>Bui Van Tien</i>		0	0%	
12.2	Vũ Thị Sồi <i>Vu Thi Soi</i>		0	0%	
12.3	Bùi Thị Thắm <i>Bui Thi Tham</i>		0	0%	
12.4	Bùi Thanh Thiết		0	0%	

Stt No.	Họ tên <i>Name</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
	<i>Bui Thanh Thiet</i>				
12.5	Bùi Thị Tươi <i>Bui Thi Tuoi</i>		0	0%	
12.6	Bùi Thị Vui <i>Bui Thi Vui</i>		0	0%	
12.7	Nguyễn Ngọc Hùng <i>Nguyen Ngoc Hung</i>		0	0%	
12.8	Nguyễn Bùi Ngọc Khánh <i>Nguyen Bui Ngoc Khanh</i>		0	0%	
12.9	Nguyễn Bùi Khánh Ngọc <i>Nguyen Bui Khanh Ngoc</i>		0	0%	
12.10	Nguyễn Bùi Ngọc Ánh <i>Nguyen Bui Ngoc Anh</i>		0	0%	
13	Bùi Thị Thanh Ngân <i>Bui Thi Thanh Ngan</i>	9;10;12	5.850	0,015%	
13.1	Bùi Văn Biền <i>Bui Van Bien</i>		0	0%	
13.2	Nguyễn Thị Huệ <i>Nguyen Thi Hue</i>		0	0%	
13.3	Bùi Thị Cẩm Vân <i>Bui Thi Cam Van</i>		0	0%	
13.4	Vũ Việt Phương <i>Vu Viet Phuong</i>		0	0%	

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/
Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company

Stt No.	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal persons</i>	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ <i>Number of shares owned at the beginning of the period</i>		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) <i>Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)</i>
			<i>Số cổ phiếu Number of shares</i>	<i>Tỷ lệ Percentage</i>	<i>Số cổ phiếu Number of shares</i>	<i>Tỷ lệ Percentage</i>	
1	Không có/ <i>None</i>						

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues

Không có/ *There are no further issues to be noted.*

Nơi nhận/ Recipients:

- Như kính gửi/ *As above;*
- Lưu VP/ *Archived./.*

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ✓
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS



Kiều Văn Mát